

Bản án số: 285/2020/HS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Đinh Ngọc Kính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 292/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn N về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 07-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1983 tại Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 4, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: N2; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N2; con ông Lê Văn Q và con bà Nguyễn Thị B; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; tiền sự: Không; tiền án (03 tiền án):

- Bản án số 05/HSST ngày 20/6/2001 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày 20/6/2001.

- Bản án số 27/HSST ngày 26/12/2002 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/HSST ngày 20/6/2001 buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt là 19 tháng 23 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2002.

- Bản án số 43/HSST ngày 07/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 11 năm tù về tội “*cướp tài sản*” và tội “*trộm cắp tài sản*”. Ngày 20/7/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/6/2018, có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Trần Văn N1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù, nhưng bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 14/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Lê Văn N và Trần Văn N1 khi cả 02 đối tượng đang ở nhà của Lê Văn N tại thôn 4, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tang vật thu giữ của Lê Văn N gồm có: 01 khẩu súng rulô (niêm phong số 01); 01 khẩu súng ngắn, bên trong hộp tiếp đạn có 03 viên giống viên đạn (niêm phong số 02); 01 gói ni lông màu trắng bên trong có 01 cục viên nén màu xanh (niêm phong số 03); 01 điện thoại đã qua sử dụng.

Tạm giữ của Trần Văn N1, gồm: 01 cân điện tử; 01 ống thủy tinh màu trắng; 01 lọ thủy tinh màu trắng hình trụ có gắn một ống nhựa màu trắng (dụng cụ sử dụng ma túy đá); 10.900.000 đồng; 02 điện thoại di động có số sim 0971314521 và 0971089113; 01 xe mô tô và đăng ký xe biển số 82E1-15499

T hành khám xét khẩn cấp nơi ở, Lê Văn N tự nguyện giao nộp 01 khẩu súng K54. Sau đó, Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ trong nhà Lê Văn N gồm: 01 gói chất bột (niêm phong số 11); 60 viên đạn (niêm phong từ số I đến số IV, được bỏ vào trong 01 phong bì thư đánh số 05); 07 viên đạn (niêm phong số 06); 03 hộp kim loại (niêm phong số 07); 01 khẩu súng Ru lô và 04 viên đạn (niêm phong số 08); 02 túi ni lông chứa thuốc nổ (niêm phong số 10); 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động noika màu đen số sim 0982357778 và 0979144083 và 30 triệu đồng. Thu trên mái tôn tại khu vực tổ chức trò chơi dân gian phía sau vườn nhà Lê Văn N 01 bì ni lông trong suốt, bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể đựng trong vỏ bao thuốc lá Jet (niêm phong số 09). Tạm giữ của Lê Văn N 03 chiếc xe mô tô, 01 xe ô tô; của Trần Văn N1 01 xe mô tô và 02 điện thoại di động.

*Tại Bản giám định số 400/KLGD ngày 23/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:*

- Một cục màu xanh niêm phong gửi giám định là MDMA, có khối lượng 0,1393 gam.

- Chất màu trắng dạng tinh thể gửi giám định là Ketamine, có khối lượng

0,0669 gam.

- Chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong túi ni lông, trong vỏ thuốc lá Jét gửi giám định là Methamphetamine, có khối lượng 51,6658 gam.

*Tại Bản giám định số 477/C54C-Đ3 ngày 21/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:*

- 02 khẩu súng đựng trong phong bì 01 và 08 là súng ngắn tự chế có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng.

- 01 khẩu súng đựng trong phong bì số 02 là súng ngắn Tokarev (K54) còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 03 viên đạn đựng trong phong bì số 02 là đạn cỡ 7,62x25mm. 01 viên còn sử dụng được, 02 viên không còn sử dụng được, thuộc vũ khí quân dụng.

- 55 viên đạn đựng trong phong bì số 05, gồm: 15 viên cỡ 7,62x51mm, 23 viên cỡ 7,62x39mm và 17 viên cỡ 5,56x45mm đều còn sử dụng được, thuộc vũ khí quân dụng.

- 05 viên đạn đựng trong phong bì số 05 và 04 viên đạn trong phong bì số 08 là đạn thể thao cỡ 5,6x15,6mm còn sử dụng được, không phải là vũ khí quân dụng.

- 07 viên đạn đựng trong phong bì số 06 là đạn cao su, còn sử dụng được, không phải vũ khí quân dụng.

- 03 hộp tiếp đạn đựng trong phong bì số 07 (02 hộp tiếp đạn súng K54, 01 hộp tiếp đạn súng Ar15). Các loại súng K54, Ar15 là vũ khí quân dụng.

*Tại Bản giám định số 457 ngày 27/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:*

Chất màu đen dạng hạt đựng trong túi ni lông miệng có vuốt mép (phong bì số 10) là thuốc nổ đen có khối lượng 99,07 gam.

Chất màu đen dạng hạt trộn lẫn màu vàng dạng cục, bột đựng trong túi ni lông (phong bì số 10) gửi giám định là thuốc nổ đen (màu đen dạng hạt) và thuốc nổ TNT (màu vàng dạng bột cục) có khối lượng 20,20 gam.

Chất màu vàng dạng bột cục (phong bì số 11) gửi giám định là thuốc nổ TNT, có khối lượng 94,57 gam.

Quá trình điều tra chứng minh được như sau:

1. Về nguồn gốc số vũ khí quân dụng, vật liệu nổ:

Vào khoảng năm 2016, khi đi làm gỗ tại khu vực cửa khẩu Quốc tế L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Lê Văn N có quen một người Bộ đội Biên phòng Vương quốc Campuchia (không rõ họ tên, năm sinh, nơi ở, nơi làm việc), biết người này có khẩu súng K54, N đã gợi ý đổi khẩu súng lấy hai khúc gỗ trắc (loại 40cm vuông, dài khoảng 1,5m, trị giá khoảng 5 triệu đồng) người Bộ đội Biên phòng Campuchia đồng ý. Sau đó, tại khu vực trong rừng thuộc địa phận Việt N2. Lê Văn N đưa hai khúc gỗ trắc cho người này và lấy 01 khẩu súng K54, có băng tiếp đạn kèm theo 03

viên đạn. Sau đó, N tiếp tục xin của người Bộ đội Biên phòng Campuchia 43 viên đạn quân dụng (trong đó có 41 viên còn sử dụng được, 02 viên không sử dụng được); 12 viên đạn cao su, thể thao và 02 hộp tiếp đạn súng K54. Lê Văn N mang súng, đạn trên về nhà cất giấu trong phòng ngủ nhằm mục đích bán lại kiếm lợi nhuận.

Cũng trong thời gian này, Lê Văn N đi uống cà phê ở quán cà phê N do ông Lê M làm chủ. Thấy trong quán trang trí treo đạn, vỏ đạn và có thuốc nổ. Lê Văn N tự ý lấy 15 viên đạn quân dụng và 119,27 gam thuốc nổ đen và thuốc nổ TNT. Sau đó, Lê Văn N đi đến bãi phế liệu khu công viên T, thành phố P nhặt được 01 hộp tiếp đạn súng AR15 và N xin Nguyễn Đức L 94,57 gam thuốc nổ TNT mang về nhà cất giấu. Các loại đạn quân dụng (56 viên đạn còn sử dụng được, 02 viên không sử dụng được) và 12 viên đạn cao su, thể thao N đem về nhà cất giấu trong phòng ngủ nhằm mục đích để bán lại kiếm lợi nhuận, N chưa sử dụng các viên đạn trên lần nào. 02 hộp tiếp đạn súng K54 và 01 hộp tiếp đạn súng AR15 N mang về nhà cất giấu trong phòng ngủ để chơi chứ không nhằm mục đích mua bán. Số thuốc nổ đen và thuốc nổ TNT (tổng cộng 213,84 gam) N cất giấu trong nhà để đi đánh cá, nhưng N chưa sử dụng lần nào.

Ngoài ra, vào năm 2017 phát hiện một người lái xe ô tô tải chở gỗ cho Lê Văn N có 01 khẩu súng K54. Vì vậy, Lê Văn N xin và được người lái xe cho, N mang về nhà cất giấu. Đến tháng 4 năm 2018, Lê Văn N mang khẩu súng này xuống huyện K, tỉnh Gia Lai để làm gỗ và bán cho Nguyễn T P khẩu súng này với số tiền là 40 triệu đồng.

Đối với 02 khẩu súng tự chế Lê Văn N khai nhận: Vào khoảng đầu năm 2018, Lê Văn N nhặt được 01 khẩu súng ngắn tự chế kiểu ổ xoay tại khu đất trống kế bên nhà. Sau đó, N đem cất giấu ở góc sân trước phòng ngủ nhằm mục đích bán lại kiếm lợi nhuận, N chưa sử dụng khẩu súng trên lần nào. Khẩu súng còn lại là của Nguyễn Hoàng T. Vào ngày 15/6/2018, Nguyễn Hoàng T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai đầu thú và khai nhận khẩu súng Rulo thu giữ tại phản gỗ nhà Lê Văn N vào chiều 14/6/2018 là của T. Về nguồn gốc khẩu súng này, T khai vào tháng 01 năm 2018, T mua khẩu súng của một người tên là T1 (không rõ họ, năm sinh, nơi ở) ở khu vực cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum với mục đích là để săn thú rừng. Do súng bị hỏng, nên T đưa đến nhà của Lê Văn N để nhờ sửa giúp thì Công an phát hiện thu giữ.

2. Đối với số ma túy thu giữ khi bắt và khám xét tại nhà Lê Văn N xác định được như sau:

Bản thân là người sử dụng ma túy, do đó Lê Văn N thường xuyên mua ma túy về để sử dụng. Vào khoảng đầu năm 2018 có một người bạn ngoài xã hội tên Beo (không rõ họ tên, nơi ở) cho Lê Văn N gói Ketamine khối lượng 0,0669 gam để sử

dụng. Tuy nhiên, do N sử dụng Ketamine hay bị chảy máu mũi nên Lê Văn N cất gói ma túy này trong phòng ngủ. Đối với 0,1393 gam MDMA thu giữ khi khám xét tại phản gỗ trong nhà N, ban đầu Lê Văn N khai mua của một người không rõ họ tên ở thành phố P với số tiền là 150.000 đồng mục đích để sử dụng. Tuy nhiên, sau đó N thay đổi lời khai cho rằng viên thuốc lắc này là của Nguyễn Đức L mang tới nhà N vào chiều 14/6/2018 và khi thấy Công an thì L ném xuống nền nhà. Quá trình điều tra, đối chất giữa Lê Văn N và Nguyễn Đức L thì L không thừa nhận viên ma túy này của mình. Ngoài lời khai của Lê Văn N, không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Đức L.

Đối với 51,6658 gam Methamphetamine (được đựng trong bì ni lông ở trong bao thuốc lá JET) trên mái tôn tại khu vực tổ chức trò chơi dân gian - trường đá gà tại nhà N. Lê Văn N khai: Lê Văn N và Trần Văn N1 quen nhau khi cùng đi cải tạo tại trại giam Gia T1, biết N1 có bán ma túy đá nên trong tháng 6 năm 2018 Lê Văn N mua ma túy đá của N1 03 lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào buổi chiều khoảng 17, 18 giờ trong tháng 5 năm 2018, Lê Văn N và Phạm Ngọc T1 (sinh năm 1987, trú tại tổ 15 phường Phù Đồng, thành phố P) cùng nhau đi đến tiệm bán đồ gỗ của anh Vũ Đình Dũng. Tại đây, N mua của N1 01 gói ma túy đá với số tiền là 1.000.000 đồng; T1 chứng kiến việc Lê Văn N và Trần Văn N1 giao dịch mua bán ma túy. Sau đó T1 và N mang về nhà Lê Văn N sử dụng.

Lần thứ hai: Trong ngày 12/6/2018, Lê Văn N điện thoại hỏi và nhắn tin cho Trần Văn N1 để mua ma túy đá sử dụng. Đến trưa cùng ngày, N mua của N1 một hộp “5” ma túy đá với số tiền 3,5 triệu đồng. Địa điểm mua bán tại cổng nhà Lê Quý P và P có chứng kiến việc Lê Văn N mua ma túy của Trần Văn N1. Tuy nhiên, quá trình điều tra Lê Quý P không thừa nhận việc chứng kiến việc N mua ma túy của N1 như lời khai của N.

Lần thứ ba: Vào ngày 14/6/2018, N điện thoại hỏi mua của Trần Văn N1 02 triệu đồng ma túy đá để sử dụng. N1 đồng ý và nói với N khi nào xuống P thì N1 gọi N ra nhận ma túy. Đến khoảng hơn 16 giờ N1 gọi điện cho N hỏi đang ở đâu để N1 đưa ma túy, N nói N1 đến nhà. Lúc này, N đang ngồi uống bia cùng với Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Đức L và Trần Bá N2. Đến khoảng gần 17 giờ ngày 14/6/2018 Trần Văn N1 đến nhà N, thấy N và ba người đang uống bia thì N1 hỏi “Có anh P có ở đây không anh N”, N trả lời “P có ở đây đâu” và đi ra đến gần cửa ra vào nói chuyện với N1 “Vào làm một ly”. N1 trả lời “Em không uống được, em chạy ra nhà vợ xú, khi nào xong anh gọi”. Nói xong, N1 đi ra phía ngoài; còn Lê Văn N quay lại phản gỗ tiếp tục ngồi uống bia với T, L, N2. Trần Văn N1 đi ra phía trước nhà của N thì gặp Công an. Vì vậy, N1 chạy ngược ra phía sau nhà N đến khu vực phía sân trước nơi tổ chức trò chơi dân gian thì bị Công an khống chế bắt giữ Trần Văn

N1. Thu giữ: 01 cân điện tử, 01 ống thủy tinh màu trắng, 01 lọ thủy tinh màu trắng hình trụ có gắn một ống nhựa màu trắng (dụng cụ sử dụng ma túy đá), 10.900.000 đồng, 02 điện thoại di động số sim 0971314521 và 0971089113, 01 xe mô tô và đăng ký xe biển số 82E1-15499.

T hành kiểm tra tin nhắn đi trong điện thoại của Lê Văn N nhắn cho Trần Văn N1 vào ngày 12/6/2018 có nội dung: “Em lấy anh hộp 10 em; Ok em ở đâu anh chạy ra lấy e; Trời sao xa vậy em; Ok em; Giờ anh không có xe em ơi, đợi anh mượn được xe anh chạy ra lấy liền nha em; có em; Ok em; Giờ anh đang ở M về em, em để ngày mai anh lấy 2 hộp 10 luôn được không em”. Tuy nhiên, không có nội dung trả lời của Trần Văn N1; Lê Văn N không lý giải được vì sao lại không có tin nhắn đến của Trần Văn N1. Kiểm tra điện thoại của N1 không có tin nhắn đến, đi ngày 12/6/2018 giữa N1 và N. List điện thoại do Viettel cung cấp trong thời gian từ 09 giờ 44 phút đến 12 giờ 28 phút ngày 12/6/2018 giữa số điện thoại 0982357778 (của N) và số điện thoại 0971089113 (của N1) nhắn tin qua lại với nhau 13 lần. Tuy nhiên, Viettel không cung cấp được nội dung tin nhắn. Tin nhắn đi và đến trong điện thoại của Lê Văn N ngày 14/6/2018, bắt đầu từ lúc 00 giờ 39 phút 04 giây có nội dung: N nhắn cho N1: “Anh chưa lấy tiền em, sáng mai mới có em, nửa lạng bao nhiêu vậy em”. N1 trả lời: “27 anh. Đồ ngon giá cao lắm anh”. Đối với nội dung hỏi N1 giá “nửa lạng”, Lê Văn N lý giải, do muốn hỏi mua ma túy đá của N1 để sử dụng. Tuy nhiên, do thấy N1 bán “nửa lạng” với số tiền là 27 triệu đồng là “đắt”. Do đó, N không mua ma túy của N1 với số lượng “nửa lạng” nữa mà gọi điện thoại cho N1 để mua ma túy đá của N1 với số tiền là 02 triệu đồng để sử dụng. Vào chiều ngày 14/6/2018 N1 mang ma túy đến bán cho N với số tiền là 02 triệu đồng ban đầu, N khai N1 chưa kịp giao ma túy cho N thì bị bắt. Tuy nhiên, quá trình điều tra bổ sung N khai lại là: Chiều 14/6/2018, N1 đã bán cho N 01 gói ma túy đá đựng trong bì ni lông hàn kín đầu với giá là 02 triệu đồng nhưng N chưa đưa tiền. Khi thấy Công an tới, N đã ném xuống khu hồ cá cạnh tấm phản phía sau N ngồi uống bia. Do đó, N khẳng định toàn bộ số ma túy thu giữ trên mái nhà là của Trần Văn N1 mang đến. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng là gói ma túy mà N vứt vào ngày 14/6/2018 nhưng không tìm được.

Do Trần Văn N1 không thừa nhận bán trái phép chất ma túy cho Lê Văn N, không thừa nhận 51,6658 gam Metham phetamine trên mái nhà Lê Văn N là của mình. Do đó, hết 09 ngày tạm giữ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định trả tự do đối với Trần Văn N1.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng thu thập được 14 file ghi âm và 04 file video. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định 18 file âm thanh, video và được Viện khoa học Hình sự kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong các file video và các file âm thanh gửi giám định và

nội dung trong các clip, video đã được Viện khoa học Hình sự dịch có nội dung: Trần Văn N1 là người ném gói ma túy lên mái nhà của Lê Văn N vào chiều 14/6/2018. Nội dung này phù hợp với lời khai của Ngô Thị Ngọc L là người chứng kiến Trần Văn N1 ném gói ma túy lên mái nhà.

Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra diễn tả lại việc Ngô Thị Ngọc L chứng kiến N1 ném gói thuốc lá Jet lên mái nhà bằng cách cho người khác đóng thế khi vừa chạy vừa ném để khẳng định vị trí L đứng, vị trí N1 bị bắt. Đồng thời, khẳng định xem ở vị trí bị bắt thì Trần Văn N1 có ném được gói thuốc lá Jet có khối lượng khoảng 50 gam lên mái nhà như lời khai của Ngô Thị Ngọc L hay không. Kết quả thực nghiệm điều tra khi vừa chạy vừa ném có khả năng để ném gói thuốc lá có khối lượng khoảng 50 gam lên mái nhà tôn cao 2,25m, khoảng cách trên 7,5m. Khoảng cách Ngô Thị Ngọc L đứng chứng kiến Trần Văn N1 ném gói thuốc lá lên mái nhà là 5,5m và không bị che khuất tầm nhìn.

T hành lấy lời khai của Phạm Ngọc T1: T1 khẳng định vào buổi chiều khoảng 17, 18 giờ (không nhớ chính xác ngày, tháng), N và T1 đi đến xem gỗ tại cửa hàng đồ gỗ của ông Vũ Đình Dũng tại tổ 05 phường Yên Thế, thành phố P. T1 chứng kiến Lê Văn N mua của Trần Văn N1 01 gói ma túy đá với số tiền 1.000.000 đồng. T1 thấy N1 đi xe Exiter 150cm<sup>3</sup> màu đỏ, đen, cam. Nhìn thấy nhau N1 và T1 đều gật đầu chào nhau và Cơ quan điều tra đã cho T1 nhận dạng qua ảnh đối với Trần Văn N1, kết quả T1 nhận được Trần Văn N1.

Vào ngày 25/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn N1. Đến ngày 01/8/2019 tiến hành khám xét nơi ở của bị can tại tổ 05, thị trấn PleiKần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum thu giữ 02 gói chất bột ở trong phòng bếp và dưới gầm giường của gia đình Trần Văn N1.

*Tại Bản giám định số 510/KLGD ngày 09/8/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:*

- Gói chất bột có khối lượng 96,0846 gam không tìm thấy các chất ma túy thường gặp.
- Gói chất bột có khối lượng 1,0649 gam là Methamphetamine.

*Tại Bản giám định số 851/C09C(Đ4) ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Phân Viện khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:*

- Gói chất bột thu giữ của Trần Văn N1 gửi giám định không phải là ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất các chất ma túy.

Đối với hành vi phạm tội của Trần Văn N1 Cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau:

Bản thân N1 là đối tượng sử dụng ma túy từ năm 2013 và quen biết với Lê Văn N khi cả hai cùng thi hành án tại trại giam Gia T1. Vào sáng 14/6/2018, Lê Văn

N và Trần Văn N1 nhắn tin hỏi giá 50 gam ma túy đá, N1 trả lời giá 27.000.000 đồng; N nhắn tin trả lời là “Ok”. Tuy nhiên, do giá cao nên Lê Văn N không mua 50 gam ma túy mà chỉ hẹn Trần Văn N1 đến nhà để mua ma túy với giá 2.000.000 đồng. Đến chiều 14/6/2018, Trần Văn N1 vận chuyển 51,6658 gam Methamphetamine đến nhà để bán cho Lê Văn N, nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng phòng chống ma túy Công an tỉnh Gia Lai phát hiện và thu giữ. Ngoài ra, khi khám xét tại nơi ở Cơ quan điều tra thu giữ dưới gầm giường của Trần Văn N1 1,0649 gam là Methamphetamine; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 50 bì ni lông dạng kit; 02 điện thoại di động và 4.400.000 đồng.

Quá trình điều tra, bản thân Trần Văn N1 thường xuyên thay đổi lời khai của mình. Ngay sau khi bị bắt trong hai bản tự khai ngày 02 và 03 tháng 8 năm 2019 và biên bản hỏi cung ngày 04/8/2019, Trần Văn N1 khai nhận: Vào sáng ngày 14/6/2018, N1 mua của một đối tượng tên là HT (không rõ nhân thân lai lịch) ở tỉnh Kon Tum 50 gam ma túy đá đựng trong gói thuốc lá Jet với giá 25.000.000 đồng, với mục đích để sử dụng. Đến chiều 14/6/2018, N1 mang gói ma túy đi từ tỉnh Kon Tum đến, tỉnh Gia Lai để thăm con và chăm vợ đẻ. Trên đường đi, Lê Văn N gọi điện thoại và rủ đến nhà chơi. Khi vào nhà thấy N và một số người bạn đang uống bia, do đó N1 nói với N “Khi nào xong thì gọi em”, N nói “Ok”. Sau đó đi ra phía trước nhà phát hiện thấy Công an, do đó N1 chạy ngược lại phía sau nhà, khi tới khúc cua N1 lấy tay phải móc gói thuốc lá Jet màu trắng bên trong chứa ma túy và ném lên mái tôn phía sau nhà Lê Văn N, sau đó bị bắt giữ. Khi Trần Văn N1 ném gói ma túy lên mái nhà thì Ngô Thị Ngọc L (sinh ngày 17/12/1996, trú tại thôn 3, xã T, thành phố P) đang có mặt tại nhà N nhìn thấy. Tuy nhiên, sau đó N1 lại thay đổi lời khai và cho rằng: Vào chiều ngày 14/6/2018, N1 đến nhà của Lê Văn N để chơi, gói thuốc lá Jet ở trên mái tôn bên trong chứa ma túy thu giữ trên mái nhà của Lê Văn N không phải là của N1.

Đối với gói ma túy thu giữ dưới gầm giường khi khám xét, N1 khai mua của một đối tượng tên là Hùng Lào (không rõ nhân thân lai lịch) vào ngày 30/7/2019 với số tiền là 1.000.000 đồng, với mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt, thu giữ.

Sau khi kết thúc điều tra vụ án, Trần Văn N1 thừa nhận 51,6658 gam Methamphetamine ở trên mái tôn của gia đình Lê Văn N là của N1 mua của HT với mục đích để sử dụng trong thời gian chăm con ở tỉnh Gia Lai chứ không phải với mục đích để bán. Đối với 1,0649 gam là Methamphetamine thu giữ khi khám xét là của N1 mua của đối tượng Hùng Lào với mục đích để sử dụng. Ngoài ra, vào khoảng tháng 5 năm 2018 N1 bán ma túy cho Lê Văn N với số tiền là 1.000.000 đồng tại phường Yên Thế, thành phố P.

Quá trình điều tra Lê Quý P khai nhận: Vào buổi trưa một ngày trong tháng 9



năm 2018, tại nhà của P ở số 550 đường T, thành phố P. P và Phan Văn T ở làng Ngó, thành phố P góp chung nhau mỗi người 01 triệu đồng và P là người điện thoại hỏi mua ma túy đá của Trần Văn N1. Một lúc sau N1 mang ma túy đá tới nhà cho P. P là người đưa tiền 2.000.000 đồng cho N1, sau đó P và T cùng sử dụng toàn bộ gói ma túy tại nhà của P. Cơ quan điều tra đã cho P nhận dạng qua ảnh đối với Trần Văn N1, kết quả P nhận chính xác Trần Văn N1. Tuy nhiên, qua đối chất Lê Quý P thay đổi lời khai cho rằng số tiền 2.000.000 đồng là của cả ba người cùng góp rồi đưa cho N1 đi mua ma túy về cùng sử dụng chứ không phải mua ma túy của N1.

Tang, vật chứng vụ án:

- 01 khẩu súng K54; 02 khẩu súng tự chế kiểu ổ xoay thuộc vũ khí quân dụng; 47 viên đạn còn lại sau giám định; 03 hộp tiếp đạn; 03 gói thuốc nổ. 52,7307 gam Methamphetamine; 0,1393 gam MDMA; 0,0669 gam Ketamine (niêm phong trong 04 phong bì thư). 01 phong bì công văn của Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an. Tiền 34.400.000 đồng (30.000.000 đồng của N; 4.400.000 đồng của N1). 04 điện thoại di động (N 02 cái: 01 Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 OPPO màu đen đã qua sử dụng. N1 02 cái: 01 Nokia; 01 Iphone đã qua sử dụng). 02 cân tiểu ly điện tử, màu đen. 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 50 bì ni lông dạng kít.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI màu xanh, biển số 81B1-35576; 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Mỹ Dung. Do có liên quan đến vụ việc khác, cơ quan điều tra đang tiếp nhận xử lý. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Gia Lai tách riêng chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ có liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HSST ngày 07-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm g, h khoản 2 Điều 304; điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Văn N phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N1, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/7/2020, bị cáo Lê Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị cáo Lê Văn N trình bày giữ nguyên kháng cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, khoan hồng cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tội danh, bị cáo nhận tội và không kêu oan. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Từ đó xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” là thỏa đáng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và nhận tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là không nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tổ tụng:

Vào ngày 09/7/2020, bị cáo Lê Văn N kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HSST ngày 07-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy, kháng cáo của bị cáo Lê Văn N là trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Văn N thành khẩn khai báo và nhận tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đối với 0,0669 gam Ketamine. Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,1393 gam MDMA bị cáo khai báo quanh co không nhận tội. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Văn N thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép 0,1393 gam MDMA như Bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn N phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn N1 trong vụ án; phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các bản Kết luận giám định, thể hiện: Ngày 14/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai bắt quả tang các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn N1 tại nhà của Lê Văn N ở thôn 4, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thu giữ của Lê Văn N 0,1393 gam MDMA; 0,0669 gam Ketamine; 01 khẩu súng K54; 02 khẩu súng tự chế; 58 viên đạn thuộc vũ khí quân dụng; 05 viên đạn thể thao; 07 viên đạn cao su; 03 hộp tiếp đạn; 213,84

gam thuốc nổ và của Trần Văn N1 51,6658 gam Methamphetamine. Đồng thời, thu giữ tại nhà của Trần Văn N1 1,0649 gam Methamphetamine; 01 cân tiểu ly; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Kết luận giám định số 477/C54C-DD3 ngày 21/6/2018 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Đà Nẵng thì 01 khẩu súng là súng ngắn Tokarev K54 còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng; 55 viên đạn còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng; các viên đạn còn lại còn sử dụng được và không thuộc vũ khí quân dụng; 02 khẩu súng tự chế có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo Lê Văn N còn khai nhận vào năm 2017 bị cáo xin được 01 khẩu súng K54 của một người lái xe và sau đó bán cho Nguyễn T P năm 2018 với giá 40.000.000đ. Bản thân bị cáo từ năm 2001 đến năm 2005 bị xét xử tại 03 Bản án và chưa được xóa án tích; lần phạm tội này bị coi là tái phạm nguy hiểm. Căn cứ quy định tại khoản 1, 4 Thông tư Liên ngành số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của Liên ngành Tư pháp T1 ương thì bị cáo Lê Văn N phạm vào tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm g, h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Bị cáo Lê Văn N bị xét xử theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm và điểm g, h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn N đã xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy và xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật kỹ thuật quân sự của Nhà nước. Xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và tính mạng, sức khỏe, tài sản Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Từ đó, xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” là có căn cứ. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Lê Văn N thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội danh này. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do vậy, mức hình phạt 07 (bảy) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là tương xứng với hành vi phạm tội, thỏa đáng và không nặng. Đối với tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm g, h khoản 2 Điều 304; điểm t, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Văn N phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2018.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trần Minh Tuấn**

**Mai Xuân Thành**

**Trần Quốc Cường**